

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2020/ HS-ST

Ngày: 24 / 9 / 2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Trọng Điền;
2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa: Ông Trần Chí Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 86/2020/HSST ngày 03 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (CL), sinh năm 1984, Giới tính: Nam; Quê quán: thành phố K, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Tổ 13, ấp V1, xã T, thành phố K, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Mua bán; Họ tên cha: Nguyễn Văn D, sinh năm 1960; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1962; Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là người thứ nhất.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Ngày 08/8/2019, bị Công an phường S xử phạt 750.000 đồng về hành vi đánh nhau, chưa chấp hành nộp phạt.

- Bị bắt tạm giam từ ngày 27/6/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: V2 Đình V, sinh năm 1998; nơi cư trú: Khóm 7, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phùng Thanh Q, sinh năm 2000; nơi cư trú: Tổ 13, khóm X, phường S, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Phạm Thế V2, sinh năm 1995; vắng mặt.
2. V Thị Kim P, sinh năm 1980; Vắng mặt.
3. Trịnh Văn N, sinh năm 1972; vắng mặt.
4. Trần Thị T2, sinh năm 1968; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 27/6/2020, V2 Đình V, Phạm Thế V2 cùng gia đình đến phường S, thành phố K, để chiêm bái tín ngưỡng và cúng viếng Miếu Bà S. Khi V vào tiệm “PC”, mua vật phẩm cúng bái, Nguyễn Văn T nhìn thấy, đến chào mời, hướng dẫn cho V đến cúng bái khu vực Chùa “E”, lợi dụng V không để ý, T tự ý lẻn để thêm 01 thẻ nhang nhỏ, 01 thẻ nhang 03 cây lớn, 01 cặp nến sáp, 01 bộ áo giấy cúng Bà S, trầu cau vào túi xách đựng vật phẩm cúng bái mà V đã mua của Trịnh Văn N chủ tiệm “PC”. T đưa V đến cúng nơi Tượng Mẹ Bé Con trước cổng Chùa “Tây An”, T tự mở lấy, đốt 03 nến nhang, cặp nến sáp, đưa cho V cúng bái. Khi V cúng xong, bước ra, T kêu V trả 490.000 đồng, cho rằng tiền nhang, đèn, vật phẩm (do T tự ý để thêm), V không đồng ý trả tiền, T quát tháo, đe dọa “*Nếu không trả tiền thì không được về*”, để buộc V phải trả tiền; cùng lúc, Phùng Thanh Q (bạn bán hàng rong cùng T) đến, vờ khuyên V trả tiền, V vẫn không đồng ý; T nắm áo đe dọa buộc V phải trả tiền. Phát hiện, bức xúc, Phạm Thế V2 (đi cùng V) gọi điện thoại trình báo Cơ quan Công an, Q khuyên V không trả 490.000 đồng, thì trả tiền vốn 200.000 đồng, V buộc phải đưa Q 200.000 đồng, rồi bỏ đi; Q đưa tiền cho T nhận, cho lại Q 50.000 đồng. Nhận tin báo, lực lượng Công an đến mời T, Q làm việc.

Vật chứng thu giữ do Phùng Thanh Q giao nộp: 200.000 đồng, Q nhận của V2 Đình V, do Nguyễn Văn T ép buộc V phải trả.

Ngày 02/7/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố K, tỉnh An Giang Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn T, về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự;

Cáo trạng số 88/CT-VKSCĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo T thừa nhận hành vi như Cáo trạng truy tố. Lời nói sau cùng, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Kháng định Cáo trạng số 88/CT-VKSCĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

+ Về xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

+ *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo Nguyễn Văn T thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, vợ bị cáo đang mang thai, bị cáo là lao động chính, nên đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Không.

Đối với: Phùng Thanh Q, tham gia cùng Nguyễn Văn T, yêu cầu V2 Đình V trả tiền, nhưng không đe dọa, uy hiếp tinh thần; tự nguyện khai báo, giao nộp khoản tiền đã nhận của V 200.000 đồng; xét tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, Cơ quan điều tra chuyển xử lý vi phạm hành chính là phù hợp, cần giáo dục công khai tại phiên tòa.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

a) Về trách nhiệm hình sự:

* Về hình phạt chính:

Áp dụng điểm khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm đến 02 năm tù Về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

* Về Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

b) Xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Trả lại số tiền 200.000 đồng cho bị hại V2 Đình V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tiến hành xét xử.

Về nội dung,

[3] Hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận: Khoảng 07 giờ ngày 27/6/2020, bị cáo thấy V2 Đình V đến khu vực Miếu Bà Chúa xứ chiêm bái. Bị cáo đến chào mời, hướng dẫn cho V đến cúng bái khu vực Chùa “E”, lợi dụng V không để ý, T tự ý lên để thêm 01 thẻ nhang nhỏ, 01 thẻ nhang 03 cây lớn, 01 cặp nến sáp, 01 bộ áo giấy cúng Bà S, trầu cau vào túi xách đựng vật phẩm cúng bái mà V đã mua của Trịnh Văn N chủ tiệm “PC”. T đưa V đến cúng nơi Tượng Mẹ Bế Con trước cổng Chùa “Tây An”, T tự mở lấy, đốt 03 nến nhang, cặp nến sáp, đưa cho V cúng bái. Khi V cúng xong, bước ra, T kêu V trả 490.000 đồng, cho rằng tiền nhang, đèn, vật phẩm (do T tự ý để thêm), V không đồng ý trả tiền, T quát tháo, đe dọa “*Nếu không trả tiền thì không được về*”, để buộc V phải trả tiền; cùng lúc, Phùng Thanh Q (bạn bán hàng rong cùng T) đến, vờ khuyên V trả tiền, V vẫn không đồng ý; T nắm áo đe dọa buộc V phải trả tiền. Phát hiện, bức xúc, Phạm Thế V2 (đi cùng V) gọi điện thoại trình báo Cơ quan Công an, Q khuyên V không trả 490.000 đồng, thì trả tiền vốn 200.000 đồng, V buộc phải đưa Q 200.000 đồng, rồi bỏ đi; Q đưa tiền cho T nhận, cho lại Q 50.000 đồng. Sau đó T bị lực lượng Công an mời làm việc.

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với vật chứng thu giữ; Biên bản khám nghiệm hiện trường; lời khai bị hại V2 Đình V; những người làm chứng, liên quan Phạm Thế V2, Trịnh Văn N, V Thị Kim P, Trần Thị T2 và Phùng Thanh Q cùng những tài liệu, chứng cứ khác đã được Cơ quan điều tra thu thập đúng trình tự, thủ tục luật định.

Từ các căn cứ trên, có cơ sở xác định bị cáo T có hành vi cưỡng ép bán vật phẩm cúng bái, dùng lời nói, hành động, đe dọa, uy hiếp tinh thần để chiếm đoạt của V2 Đình V 490.000 đồng, nhưng V miễn cưỡng đưa 200.000 đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến tài sản của người khác nên đã đủ yếu tố cấu thành tội Cưỡng đoạt tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố Nguyễn Văn T về tội Cưỡng đoạt tài sản là hoàn toàn có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý, thể hiện sự xem thường pháp luật, chẳng những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của bị hại, mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự xã hội tại địa phương, để lại hình ảnh không đẹp đối với du khách tham quan. Do đó, cần phải có mức hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất

định đề bị cáo tự nhận thức được sai lầm và cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] *Về xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; có hoàn cảnh gia đình khó khăn (bị cáo là lao động chính, vợ đang mang thai, mẹ bị mù), tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[6] *Về hình phạt bổ sung*, do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] *Về xử lý vật chứng*: Vật chứng thu giữ là số tiền 200.000 đồng do bị cáo chiếm đoạt của bị hại V, xét giao trả cho bị hại.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không đề ra để giải quyết.

[9] *Về vấn đề khác*: Đối với Phùng Thanh Q, tham gia cùng Nguyễn Văn T, yêu cầu V2 Đình V trả tiền, nhưng không đe dọa, uy hiếp tinh thần; tự nguyện khai báo, giao nộp khoản tiền đã nhận của V 200.000 đồng; xét tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, Cơ quan điều tra chuyển xử lý vi phạm hành chính là phù hợp, cần giáo dục công khai tại phiên tòa.

[10] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”;

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Nguyễn Văn T: 01 (một) năm tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 27/6/2020).

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015.

Giao trả lại cho V2 Đình V số tiền 200.000 đồng (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/8/2020 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố K với Chi cục thi hành án dân sự thành phố K).

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Thị Châu Ngọc